

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2024/DS-PT
Ngày: 06-3-2024
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Doanh Thị Mây

Các Thẩm phán: Ông Ngôn Ngọc Viên

Bà Nguyễn Thị Như

- Thư ký phiên toà: Bà Ma Thị Huyền - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà: Bà Triệu Thị Đào - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2023/TLPT-DS ngày 24 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cao Bằng bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 25/2024/QĐ-PT ngày 21 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Lê Văn C, sinh năm 1964

Địa chỉ: T, C, T, Cao Bằng (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Hà Thị H – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C (có mặt).

- Bị đơn: Lê Xuân N, sinh năm 1959

Địa chỉ: T, C, T, Cao Bằng (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Nông Thị Thu T – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. UBND huyện T, tỉnh Cao Bằng: Đại diện theo pháp luật: Ông Nông Thế P, chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đặng Mùi C1 - Chuyên viên Phòng Tài

nguyên và Môi trường huyện T, tỉnh Cao Bằng (có mặt)

2. Lê Minh H1 (vắng mặt)

3. Lê Thị B (vắng mặt)

4. Lê Thị B1 (đã chết)

Cùng địa chỉ: T, C, T, Cao Bằng.

- *Người kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Lê Xuân N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 02 năm 2023, trong bản tự khai, quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn Lê Văn C trình bày:

Gia đình ông có 05 anh chị em, 03 anh em trai, 02 chị em gái, ông C là con út. Trước đây khi bà Triệu Thị N1 (mẹ ông C) còn sống đã chia tài sản cho các con cũng như ruộng đất để làm ăn sinh sống. Mảnh đất nền nhà cũ tại N, xóm T được chia cho ông C và đã được nhà nước cấp GCNQSDĐ số V 369106 cấp ngày 21/8/2002 đối với thửa 30 diện tích 211,8m mang tên Lê Văn C. Từ năm 2002 đến năm 2009 nhà nước cấp đổi lại bìa có số thửa 15a, 19, 30, 35 số tờ bản đồ 17,22 với diện tích là 211,8m, theo bản đồ mới là thửa 22 tờ bản đồ 55. Đến năm 2011 nhà nước cấp phát bìa đồ mới, ông C lên UBND xã C nhận lại thì bị thiếu 02 bìa, 1 bìa là mây đầm ruộng nhỏ, 1 bìa là phần đất nền nhà cũ. Bà Hoàng Thị Bích L cán bộ địa chính xã C đó đã thu bìa gốc của gia đình ông C để làm thủ tục cấp đổi lại bìa. Tuy nhiên đến năm 2012 nhà ông C được làm lại hồ sơ cấp đợt bổ sung, thì được cấp lại một bìa đất ruộng, còn bìa nền nhà vẫn bị sót. Đến năm 2013 ông C giữ nhà sàn, năm 2016 xây dựng nhà cho con trai là Lê Đại U sử dụng. Việc phân chia tài sản đã có giấy thỏa thuận giữa 03 anh em ngày 28/4/1994 và có ông Lê Văn H2 (chú họ) làm chứng, nhưng hiện nay ông Lê Xuân N (anh trai ruột) vẫn cố tình lật lọng tranh chấp phần đất nền nhà với gia đình ông. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng ông C có gửi đơn lên xóm T, sau đó gửi tiếp lên UBND xã C để tiến hành giải quyết. Chính quyền địa phương có tiến hành hòa giải nhưng cả hai lần hòa giải đều không thành. Ông C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Xuân N trả lại mảnh đất đang tranh chấp cho gia đình theo như GCNQSDĐ cấp năm 2002.

Tại bản tự khai quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn Lê Xuân N trình bày:

Gia đình ông có 03 anh em trai và 02 chị em gái (ông Lê Văn C là em trai ruột) Bố là Lê Vũ L1 chết năm 1964, một mình mẹ chăm lo các con và lo cho chú ruột là Lê Vũ T1 đi lấy vợ. Khi chú đi lấy vợ có để lại cho mẹ đẻ của ông là Triệu Thị N1 một đầm ruộng để lo việc hàng xóm đầm ruộng đó gọi là Nà L2. Năm 1988 hợp tác xã giải thể thì gia đình đã họp mặt lại để chia đất bà Nhét được một đầm ruộng gọi là Nà Cốc ội và mảnh đất nền nhà, còn nhà là cho ông C vì lúc đấy ông C ở với mẹ. Đến tháng 4/2009 do bất hòa giữa mẹ chồng và nàng dâu, bà N1 đã đã xuống ở với ông. Trước khi chia đất bà N1 cũng nói là nhà không được chia

liền với đất, riêng phần đất nền nhà ấy để khi mẹ về già ai chăm sóc phụng dưỡng mẹ thì được hưởng. Lúc bà N1 (mẹ) xuống ở với ông N có xảy ra hỏa hoạn đã cháy mất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất nền nhà. Lúc xuống ở với ông một thời gian bà N1 tự đi tách bìa đỏ, việc này ông không biết, ông Lê Văn C có biết nhưng không nói nên mới xảy ra tranh chấp. Đến ngày 21/3/2012 bà N1 chết do đột tử, toàn bộ việc ma chay cho mẹ gia đình ông N lo liệu. Ông không đồng ý cho ông C được hưởng toàn bộ phần đất nền nhà, yêu cầu được hưởng một phần diện tích đất nền nhà nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất V 369106 đã cấp ngày 21/08/2002 cho ông Lê Văn C để bù đắp công ông N đã lo chăm sóc mẹ và hương hỏa cho mẹ, nếu không được chia đất yêu cầu ông C phải thanh toán tiền mai táng cho mẹ mà ông N đã bỏ ra làm ma chay cho mẹ.

Ông Lê Minh H1 (anh trai của hai ông C, N) xác nhận việc gia đình đã thống nhất chia tài sản là đất đai cho 03 anh em trai trong nhà ra ở riêng, đối với ông Lê Văn C theo năm 1994 chỉ chia nhà, không chia đất.

Theo công văn của UBND huyện T Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V369106 cấp ngày 21/8/2002, cấp cho Lê Văn C chưa được cấp đổi vẫn có giá trị pháp lý trong việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (các đợt sau) và làm căn cứ giải quyết thủ tục tranh chấp đất đai; Giấy chứng nhận này hiện nay được lưu trữ tại hồ sơ của Văn phòng Đ. Ngày 07/4/2013 hộ gia đình ông Lê Văn C có đơn kê khai xin cấp đổi tuy nhiên kê khai sai thành thửa 259, bản đồ 22 diện tích 259m mục đích đất ONT do vậy, không đủ điều kiện để cấp GCNQSDĐ

Tại phiên toà sơ thẩm người làm chứng trình bày: Lê Đại U tôi đề nghị HĐXX giải quyết đất cho bố tôi là ông Lê Văn C, vì đất này bố tôi được chia phần từ đất của tổ tiên, bố tôi đã quản lý sử dụng liên tục từ khi gia đình phân chia đến nay, không có tranh chấp.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 01/06/2023, Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc lại bằng thước dây diện tích thửa đất số 30 số tờ bản đồ 22 diện tích 211,8m đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất GCNQSDĐ số V369106 cấp ngày 21/8/2002 cho ông Lê văn C2.

- Thửa đất có tứ cận như sau:
- + Hướng bắc giáp đất ông Trần Văn T2 và Nguyễn Thị H3
- + Hướng đông giáp đất ông Nguyễn Quang T3
- + Hướng tây giáp đất ông Trần Văn T2
- + Hướng nam giáp với đường

Thửa đất số 30 tờ bản đồ 22 thuộc GCNQSDĐ số V369106 năm 2002 theo bản đồ mới là thửa 22, tờ bản đồ 55 diện tích là 259m² theo bản đồ địa chính xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng chưa được cấp sổ.

Theo sơ đồ thửa đất của cơ quan chuyên môn kèm theo ngôi nhà cấp bốn và nhà bếp trên là nhà của ông Lê Văn C xây, hiện tại con trai là Lê Đại U đang ở vẫn chưa được cấp sổ đỏ. Phần đất trên không xảy ra tranh chấp với các hộ liên kề.

Vụ án đã được hoà giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/DS-ST ngày 06/9/2023 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Cao Bằng đã quyết định:

Căn cứ Điều 2,3 Luật đất đai 1993; Điều 10 Luật đất đai 2003; Điều 73 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 157, khoản 1 Điều 158, Điều 203, Điều 227, Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn C về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”. Công nhận quyền sử dụng đất đối với đất số 30 tờ bản đồ 22 thuộc GCNQSDĐ V 369106 cấp năm 2002 theo bản đồ 2009 là thửa số 22, tờ bản đồ 55 diện tích 259m, Địa chỉ thửa đất: Xóm T, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Ông Lê Văn C hoàn thiện thủ tục cấp đổi lại sổ theo quy định của Luật đất đai.

- Buộc ông Lê Xuân N ngừng việc tranh chấp thửa đất số 30 tờ bản đồ 22 thuộc GCNQSDĐ số V369106 cấp cho ông Lê Văn C nay là thửa số 22, tờ bản đồ 55 theo bản đồ địa chính xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Có vị trí tứ cận: Hướng bắc giáp đất ông Trần Văn T2 và Nguyễn Thị H; Hướng đông giáp đất ông Nguyễn Quang T3; Hướng tây giáp đất ông Trần Văn T2; H4 nam giáp với đường (có sơ đồ trích đo hiện trạng thửa đất kèm theo).

Bác yêu cầu của bị đơn Lê Xuân N được hưởng một phần diện tích đất nền nhà thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V369106 cấp ngày 21/08/2002 cho ông Lê Văn C.

Không giải quyết yêu cầu đòi thanh toán chi phí mai táng phí, ma chay cho bà Triệu Thị N1 của ông Lê Xuân N.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc bị đơn Lê Xuân N phải có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn C số tiền 1.500.000 đồng về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ mà ông C đã nộp trước đó.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20/9/2023 bị đơn có đơn kháng cáo không nhất trí với bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/DS-ST ngày 06/9/2023 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Ngày 05/10/2023 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 2343/QĐ-VKS-DS đối với bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/DS-ST ngày 06/9/2023 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Cao Bằng, đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng hủy bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 308 BLTTDS năm 2015.

Ngày 07 tháng 12 năm 2023 Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quyết định uỷ thác thu thập tài liệu chứng cứ số 151/2023/QĐ-UTTA ngày 07/12/2023, uỷ thác cho Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Cao Bằng tiến hành xác minh, lấy lời khai, thu thập các tài liệu để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Bị đơn Lê Xuân N giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng giữ nguyên nội dung kháng nghị.

Nguyên đơn Lê Văn C; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Hà Thị H – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C trình bày: Hộ ông Lê Văn C có quá trình quản lý, sử dụng phần đất đang tranh chấp ổn định lâu dài từ năm 1994 theo “Giấy thỏa thuận trồng cây, trồng rau” giữa ba anh em trai, thời điểm phân chia ruộng đất bà Triệu Thị N1 còn sống chung với ông Lê Văn C biết việc phân chia đất và không có ý kiến gì khác. Phần đất ông Lê Xuân N và Lê Minh H1 được phân chia cũng đã được chuyển nhượng cho người khác. Đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Bị đơn Lê Xuân N; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Nông Thị Thu T– Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C trình bày: Giữ nguyên nội dung kháng cáo; Nhất trí với toàn bộ nội dung kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm để xét xử lại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Cao Bằng; Người đại diện theo ủy quyền bà Đặng Mùi C1, Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T, tỉnh Cao Bằng trình bày: Đối với vụ việc tranh chấp đất đai giữa ông Lê Văn C và ông Lê Xuân N Ủy ban nhân dân huyện T đã trả lời tại Công Văn số 50/UBND-TNMT ngày 10/01/2024 “việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Văn C được kê khai tại trang số 3, sổ địa chính năm 2022, đúng chủ, đúng tên người sử dụng, đảm bảo theo quy định”. Đối với kháng cáo của bị đơn Lê Xuân N và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định, Ủy ban nhân dân huyện T không có ý kiến gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Viện kiểm sát giữ nguyên các căn cứ kháng nghị; Có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn; Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Hủy bản án sơ thẩm số 03/2023/DS-ST ngày 06/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Sau khi xem xét đơn kháng cáo; tài liệu chứng cứ đã được kiểm tra, xem

xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Toà án cấp sơ thẩm đã có những vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, cụ thể:

Thứ nhất, xác định không đầy đủ và sai tư cách tham gia tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án: Nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp là của ông Lê Vũ L1 và bà Triệu Thị N1 (ông L1 và bà N1 đã chết), ông bà có 05 người con bao gồm: Lê Minh H1, Lê Xuân N, Lê Văn C, Lê Thị B và Lê Thị B1 (đã chết). Ông L1, bà N1 chết không để lại di chúc. Toà án cấp sơ thẩm không xác minh làm rõ vấn đề trên, việc xác định ông Lê Minh H1 là người làm chứng là không chính xác, không đưa bà Lê Thị B và người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị B1 vào tham gia tố tụng, vi phạm quyền và nghĩa vụ của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Thiếu sót trong việc đưa ông Lê Văn H2 tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng.

Thứ hai, Toà án cấp sơ thẩm không thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án. Toà án không thu thập các tài liệu chứng cứ như lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lê Thị B, người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị B1, các hộ có đất giáp ranh đất tranh chấp, sổ hộ khẩu, hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc xem xét thẩm định tại chỗ không thực hiện đầy đủ, cụ thể phần đất tranh chấp, không có sơ đồ minh họa việc xem xét thẩm định. Mặc dù Toà án cấp phúc thẩm đã uỷ thác cho Toà án sơ thẩm thu thập tài liệu, chứng cứ tuy nhiên việc thu thập không được thực hiện đầy đủ.

Thứ ba, Toà án cấp sơ thẩm áp dụng sai quy định pháp luật trong việc giải quyết vụ án. Xét thấy, Toà án cấp sơ thẩm áp dụng quy định tại Điều 733 Bộ luật Dân sự năm 2005 về Thừa kế quyền sử dụng đất là không chính xác. Trong vụ án này, ông L1 chết năm 1964 bà N1 chết năm 2012 không để lại di chúc, năm 1994 ông Lê Văn H5, Lê Xuân N2, Lê Văn C lập Giấy thoả thuận về việc phân chia ruộng đất, tuy nhiên tại thời điểm năm 1994 bà N1 còn sống bà và 02 người con gái là bà B, bà B1 không được tham gia. Ông C cho rằng theo phong tục tập quán tại địa phương, đất tổ tiên chỉ chia cho anh em trai không chia cho các chị em gái, tuy nhiên ông L1 chết không để lại di chúc, việc ông H5, ông N, ông C lập Giấy thoả thuận về việc phân chia ruộng đất không đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật đất đai nên không được coi là hợp pháp.

Thứ tư, về thẩm quyền giải quyết vụ án. Do những thiếu sót trong việc xác định sai tư cách tham gia tố tụng, không thu thập tài liệu chứng cứ đầy đủ, áp dụng sai quy định pháp luật dẫn đến việc xem xét giải quyết vụ án không được thực hiện theo đúng quy định pháp luật. Tại biên bản xác minh ngày 08/01/2023 tại Văn phòng Đ chi nhánh huyện T, tỉnh Cao Bằng, bà Triệu Thị Lan A viên chức địa chính cho biết qua kiểm tra hồ sơ lưu trữ, kho lưu trữ không có bộ hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình ông Lê Văn C. Tại Công

văn số 50/UBND-TNMT ngày 10/01/2023 của Ủy ban nhân dân huyện T có ý kiến về việc cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Lê Văn C được kê khai tại trang số 3 sổ địa chính năm 2002 đúng chủ, đúng tên người sử dụng, đảm bảo theo quy định. Tuy nhiên, qua xem xét vụ án thấy rằng, việc cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Lê Văn C không đúng đối tượng sử dụng đất theo quy định tại Điều 176 BLDS năm 1995, thuộc trường hợp phải thu hồi để huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo điểm d khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013, do đó việc xem xét huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T mà thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Việc Tòa án cấp sơ thẩm có những vi phạm thủ tục tố tụng nêu trên Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, do đó cần thiết phải huỷ án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án theo đúng quy định pháp luật.

Từ những phân tích nhận định nêu trên, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn Lê Xuân N và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng.

[2] Về án phí phúc thẩm: Người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm; Án phí sơ thẩm sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn Lê Xuân N

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng

Huỷ bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/DS-ST ngày 06/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Giao hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cao Bằng thụ lý giải quyết lại vụ án.

2. Về án phí: Người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm; Án phí sơ thẩm sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- CCTHADS huyện T;
- TAND huyện T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Doanh Thị Mây

